

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Thuần;
2. Bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Diễm Anh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 368/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh Ng, sinh năm 1987; địa chỉ: đường M, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: đường M, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Minh Ng trình bày được tóm tắt như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T vào ngày 25/8/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2011. Sau thời gian chung sống thì đến 11/2012 vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được; nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu có lời nói xúc phạm vợ, có lúc có hành vi đánh vợ. Kể từ tháng 9/2018, anh T dẫn con về quê anh sinh sống nên vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Thái N, sinh ngày 05/02/2014. Hiện nay, cháu N do anh T nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định tâm lý và phát triển toàn diện cho cháu nên ly hôn chị Ng giao con cho anh T nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại phiên hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày được tóm tắt như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn đúng như chị Ng trình bày. Vợ chồng cũng có những mâu thuẫn trong cuộc sống nguyên nhân là do không hòa hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, anh thấy vợ chồng có thể hòa giải với nhau, hàn gắn để tiếp tục sống chung, xây dựng gia đình hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Thái N, sinh ngày 05/02/2014. Nếu Tòa giải quyết ly hôn thì thống nhất giải quyết con chung như nội dung chị Ng trình bày.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Tuy nhiên, tại bản trình bày ngày 10/10/2018, anh T trình bày: hiện nay tôi đã đưa con về quê nội ăn học và chị Ng cũng đã đồng ý; nếu chị Ng kiên quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt và xin được nuôi con, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **I. Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn là anh Nguyễn Văn T yêu cầu giải quyết vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **II. Về nội dung vụ án:**

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Minh Ng và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T vào ngày 25/8/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 quyển số 01/2011, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn theo chị Ng nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu có lời nói xúc phạm vợ, có lúc có hành vi đánh vợ; còn theo anh

T nguyên nhân mâu thuẫn do không hòa hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống. Chị Ng và anh T không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau kể từ tháng 9/2018. Tại phiên tòa, chị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn còn anh T vắng mặt nhưng tại bản trình bày anh T có ý kiến: nếu chị Ng kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Ng và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng về việc xin ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Thái N, sinh ngày 05/02/2014. Ly hôn, chị Ng yêu cầu giao con chung cho anh T nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu N do anh T nuôi dưỡng và anh T có nguyện vọng nuôi con khi ly hôn nên khi giải quyết cho ly hôn cần giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Anh T không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con nên chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] **III. Về án phí:** Nguyên đơn là chị Trần Thị Minh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Minh Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Thái N, sinh ngày 05/02/2014 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Minh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị Minh Ng phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0010371 ngày 01/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

- Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường 6, thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu